



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 13

Ngày 01 tháng 3 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 08-02-2014 - Chỉ thị số 03/2014/CT-UBND về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 11-02-2014 - Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ban hành Quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

- 17-01-2014 - Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách của UBND Quận năm 2014. 33

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 08-02-2014 - Quyết định số 560/QĐ-UBND ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014. 50

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

- 24-01-2014 - Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành đến 31/12/2013. 79

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2014/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2014***CHỈ THỊ****Về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Dịch cúm gia cầm A (H7N9, H10N8, H5N1, H5N2, H6N1) đang xảy ra tại nhiều nước và vùng lãnh thổ trong khu vực và các nước giáp biên giới với Việt Nam. Dịch cúm gia cầm diễn ra rất phức tạp, với sự xuất hiện của nhiều chủng vi rút cúm khác nhau cả trên người và động vật.

Theo thông tin của Tổ chức Y tế thế giới và cơ quan y tế các nước: năm 2013, chủng vi rút cúm A H7N9, H5N1, H10N8, H6N1 đã lây nhiễm và gây chết rất nhiều người tại Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Campuchia. Đặc biệt từ đầu năm 2014 đến nay, Trung Quốc đã xuất hiện 11 ca nhiễm A/H7N9 và đã có 4 ca tử vong; tại Việt Nam đã gây chết 01 người tại tỉnh Bình Phước do nhiễm cúm A/H5N1. Những chủng vi rút cúm A mới tìm thấy trên người và gây tử vong này đều được tìm thấy trên gia cầm từ vài năm trước đây, nhưng đến nay mới lây nhiễm sang người.

Theo thông tin của Tổ chức Thú y Thế giới và cơ quan thú y các nước: năm 2013, dịch cúm gia cầm A/H5N1 đã xuất hiện tại 13 nước, đặc biệt vào ngày 21 tháng 12 năm 2013, vi rút cúm A/H5N2 chủng độc lực cao đã lây nhiễm cho đàn gia cầm tại tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

Trong năm 2013, các hoạt động phòng chống buôn bán, vận chuyển, kinh doanh gia cầm, sản phẩm gia cầm trái phép qua biên giới, không rõ nguồn gốc có hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tình hình nhập lậu gia cầm trái phép qua biên giới đang có chiều hướng gia tăng, nguy cơ các chủng vi rút cúm mới xâm nhập

vào Việt Nam thông qua các hoạt động nhập khẩu trái phép gia cầm, sản phẩm gia cầm từ các nước có dịch là rất cao, nhất là trong thời gian trước và sau Tết Giáp Ngọ.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo báo cáo của Chi cục Thú y Thành phố tình trạng kinh doanh gia cầm sống trái phép có chiều hướng gia tăng trong thời điểm giáp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ năm 2014, hiện vẫn tồn tại 36 điểm kinh doanh gia cầm trái phép tại 11 quận, huyện. Nguyên nhân là do một số địa phương chưa thường xuyên kiểm tra, kiên quyết xử lý triệt để; một bộ phận người dân vẫn thờ ơ, không cảnh giác trước thông tin dịch cúm gia cầm đang có nguy cơ bùng phát và gây tử vong cho người.

Trước diễn biến phức tạp của dịch cúm gia cầm, kết hợp với điều kiện thời tiết chuyển lạnh, các hoạt động mua bán vận chuyển, giết mổ gia cầm trong thời gian giáp Tết gia tăng là điều kiện thuận lợi cho việc phát sinh và lây lan dịch cúm gia cầm; thực hiện Công điện số 133/CĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng chống dịch cúm gia cầm lây lan qua biên giới và Chỉ thị số 4538/CT-BNN-TY ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch cúm gia cầm A/H5N1, N7N9 và H10N8; nhằm chủ động ngăn chặn phòng ngừa dịch cúm gia cầm, bảo vệ sức khỏe người dân và an sinh xã hội, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan tiếp tục triển khai có hiệu quả Công văn số 286/UBND-VX ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cúm A (H7N9); đồng thời tập trung triển khai thực hiện một số biện pháp như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng chống dịch cúm gia cầm quận, huyện, phường, xã và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân về những nguy cơ, tác hại của vi rút cúm gia cầm có khả năng lây lan trên người và trên gia cầm, nhằm nâng cao nhận thức tự bảo vệ bản thân và cộng đồng; vận động người dân không sử dụng các sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc, chưa được kiểm dịch của cơ quan thú y; không tiếp tục chăn nuôi gia cầm nhỏ lẻ, không đảm bảo điều kiện an toàn sinh học; quản lý chặt chẽ tình hình chăn nuôi trên địa bàn, trong đó cảnh báo người chăn nuôi báo ngay với chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn khi phát hiện tình trạng xác gia cầm trên sông hồ, ao rạch..., để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Khẩn trương xây dựng kế hoạch tăng cường lực lượng kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi vận chuyển, kinh doanh, giết mổ gia cầm trên địa bàn. Kiên quyết xử lý tịch thu, tiêu hủy các trường hợp vi phạm nuôi gà đá trong khu vực dân cư, chăn nuôi thủy cầm trái phép; vận chuyển, kinh doanh, giết mổ gia cầm, sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch của cơ quan Thú y, nhất là tập trung chốt chặn tại các điểm nóng kinh doanh gia cầm sống trái phép trên địa bàn. Đối với các địa bàn giáp ranh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện phải có phương án phối hợp chặt chẽ, xử lý triệt để việc kinh doanh gia cầm sống, giết mổ gia cầm trái phép. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu còn để tình trạng kinh doanh gia cầm sống trái phép, hoặc xảy ra trường hợp có người bị nhiễm bệnh từ gia cầm trên địa bàn.

- Huy động các Hội, đoàn thể như: Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... cùng phối hợp trong công tác vận động, tuyên truyền người dân không nuôi gà đá trong khu vực dân cư; không chăn nuôi thủy cầm mà không đăng ký với chính quyền địa phương, cơ quan thú y; không vận chuyển, kinh doanh, giết mổ và tiêu thụ gia cầm, sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch của cơ quan Thú y. Chủ động cung cấp thông tin và phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm trên địa bàn.

- Chỉ đạo Ban Quản lý các chợ chủ động kiểm tra, phát hiện, phối hợp với các ngành chức năng xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh gia cầm, sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc, tuyên truyền vận động người kinh doanh, chủ buôn bán sản phẩm gia cầm đã qua kiểm dịch đúng quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng chống dịch cúm gia cầm Thành phố.

- Chủ động tổ chức kiểm tra các quận, huyện về công tác triển khai các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh trên địa bàn.

- Chỉ đạo Chi cục Thú y:

+ Giám sát chặt chẽ tình hình dịch tễ trên địa bàn, nhất là khu vực giáp ranh với các tỉnh; tình hình chấp hành các quy định trong vận chuyển, kinh doanh, giết mổ tại các trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông, cơ sở giết mổ, các chợ và điểm kinh doanh sản phẩm gia cầm; hướng dẫn các biện pháp an toàn sinh học, tiêu độc sát

trùng tại các cơ sở chăn nuôi gia cầm tập trung và các phương tiện vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm vào Thành phố.

+ Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện, các Đoàn liên ngành, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh tại các quận, huyện cung cấp nội dung hướng dẫn các quy định của ngành thú y để tuyên truyền cho người chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh về các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm; kiểm soát chặt chẽ tình hình vận chuyển, giết mổ, kinh doanh gia cầm trên địa bàn, tại các trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông, các tuyến đường quốc lộ, liên tỉnh lộ, các cửa ngõ ra vào thành phố và vùng giáp ranh với các tỉnh. Phát hiện và xử lý triệt để các trường hợp vận chuyển, giết mổ, kinh doanh gia cầm không đúng quy định, không rõ nguồn gốc.

+ Thường xuyên cập nhật các điểm nóng kinh doanh gia cầm sống trái phép, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, thông báo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch cúm gia cầm các quận, huyện để kiểm tra, xử lý triệt để.

+ Tăng cường lấy mẫu xét nghiệm đánh giá tình hình lưu hành vi rút trên gia cầm tại các hộ chăn nuôi, cơ sở giết mổ, nhằm đảm bảo tình hình dịch tễ và nguồn thực phẩm an toàn cho người dân Thành phố. Chủ động phối hợp với ngành y tế để giám sát các trường hợp nhiễm vi rút cúm A trên đàn gia cầm nhằm cảnh báo sớm nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

+ Phối hợp với Ban Quản lý chợ, Đoàn liên ngành an toàn thực phẩm kiểm tra, phát hiện và xử lý tịch thu tiêu hủy đối với các trường hợp kinh doanh, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc và bao bì nhãn hiệu hàng hoá theo quy định tại các chợ, các cửa hàng, nhà hàng, bếp ăn tập thể...

+ Tiếp tục thực hiện chương trình phối hợp với Chi cục Thú y các tỉnh trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; giám sát vi rút trên đàn gia cầm từ các tỉnh nhập về các cơ sở giết mổ nhằm hỗ trợ các tỉnh giám sát dịch bệnh.

3. Sở Y tế:

- Chủ trì Đoàn liên ngành an toàn thực phẩm kiểm tra các cơ sở chế biến tại các khu công nghiệp, bếp ăn tập thể, trường học, nhà hàng, quán ăn; phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn thực phẩm. Yêu cầu các cơ sở kinh doanh thực phẩm có sử dụng sản phẩm gia cầm phải cam kết không sử dụng gia cầm, sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc.

- Đẩy mạnh tuyên truyền phòng chống dịch cúm A trên người đến từng hộ dân, khu phố, các khu vực tập trung dân cư, các bệnh viện, trường học, nhằm cảnh giác trước nguy cơ bùng phát dịch cúm A trên người; nâng cao nhận thức tự bảo vệ bản thân và cộng đồng.

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh sẵn sàng cho công tác phòng, chống dịch bệnh tại thành phố và hỗ trợ cho các tỉnh. Thường xuyên giám sát, phát hiện và cách ly kịp thời các trường hợp có triệu chứng nghi ngờ cúm A trên người. Hỗ trợ kỹ thuật cho Chi cục Thú y Thành phố trong việc giám sát các chủng vi rút cúm A.

4. Sở Công Thương:

Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường:

- Chủ trì Đoàn liên ngành về phòng, chống dịch cúm gia cầm của thành phố và các quận, huyện tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình vận chuyển, kinh doanh gia cầm, sản phẩm gia cầm, các khu vực giáp ranh với các tỉnh. Kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng kinh doanh gia cầm sống trái phép trên địa bàn, nhất là tại các điểm nóng kinh doanh gia cầm sống trái phép.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành quyết định khám xét đối với các trường hợp vi phạm tàng trữ, kinh doanh, giết mổ gia cầm sống trái phép trên địa bàn.

Chỉ đạo Ban Quản lý chợ thực hiện đúng nội quy, quy chế hoạt động của chợ, tăng cường trách nhiệm, tăng mật độ kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm tình hình kinh doanh gia cầm sống và sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc, không đúng quy cách trong chợ.

5. Công an Thành phố:

Thường xuyên cử và phân công lực lượng cảnh sát giao thông đường bộ, đường thủy phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành về phòng, chống dịch cúm gia cầm trong công tác giám sát, kiểm tra các trường hợp nghi ngờ vận chuyển gia cầm sống trên các phương tiện vận tải hành khách.

Chỉ đạo Công an quận, huyện điều tra xác minh làm rõ và xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi chống đối, hành hung người thi hành công vụ; xử phạt và áp dụng biện pháp tạm giữ phương tiện vận chuyển đối với các trường hợp cố tình vi phạm hoặc tái phạm vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm trái phép.

6. Sở Giao thông vận tải:

Chỉ đạo Ban Quản lý các bến xe thông báo cho chủ phương tiện vận tải công cộng chấp hành nghiêm việc không vận chuyển gia súc, gia cầm sống và các sản phẩm động vật từ các tỉnh về thành phố.

Niêm yết số điện thoại đường dây nóng của Chi cục Thú y Thành phố trên các phương tiện vận tải hành khách, để hành khách kịp thời báo cho các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp phát hiện vận chuyển động vật trái phép từ các tỉnh về Thành phố.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với ngành y tế, nông nghiệp thường xuyên thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về diễn biến và nguy cơ dịch cúm ở gia cầm và người; các biện pháp chủ động phòng chống dịch cúm gia cầm; khuyến cáo người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm gia cầm có nguồn gốc, đã được kiểm dịch của ngành thú y nhằm nâng cao nhận thức của người dân tự bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thủ trưởng các Sở, ngành nghiêm túc thực hiện các biện pháp nêu trên, kịp thời báo cáo đề xuất giải quyết các phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần ổn định tình hình kinh tế chính trị xã hội của Thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình giải quyết khiếu nại
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố tại Tờ trình số 20/TT-TTTP-BQLDA ngày 25 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2.

1. Bãi bỏ các điều từ Điều 15 Chương IV đến Điều 29 Chương VII của Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Thay thế toàn bộ các biểu mẫu nghiệp vụ giải quyết khiếu nại thuộc một phần Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân

Thành phố về ban hành biểu mẫu nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

Giải quyết khiếu nại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định chi tiết các giai đoạn của quá trình giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước và quyết định kỷ luật cán bộ, công chức kể từ thời điểm thụ lý, xác minh, kết luận nội dung khiếu nại đến khi ban hành, gửi, công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với cơ quan hành chính nhà nước; người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại; người có trách nhiệm xác minh; người khiếu nại; người bị khiếu nại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết khiếu nại

1. Bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời;
2. Đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn luật định;
3. Tôn trọng và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

Điều 4. Áp dụng pháp luật

1. Việc giải quyết khiếu nại hành chính tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được áp dụng theo quy định tại Quy trình này.
2. Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được

thực hiện theo pháp luật cán bộ công chức, Điều 5, 6 và 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ về quy định Quy trình giải quyết khiếu nại hành chính (sau đây gọi là Thông tư 07/2013/TT-TTCP) và Quy trình này.

3. Việc giải quyết khiếu nại thông qua hoạt động của Đoàn thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, các quy định khác có liên quan và Quy trình này.

Chương II

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Mục 1

CHUẨN BỊ GIẢI QUYẾT

Điều 5. Thời hạn xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu

1. Việc xác minh, tổ chức đối thoại, báo cáo xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại và dự thảo văn bản trình người giải quyết khiếu nại được thực hiện trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo thụ lý.

2. Những vụ việc khiếu nại xảy ra trên địa bàn vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì việc xác minh, tổ chức đối thoại, báo cáo xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại và dự thảo văn bản trình người giải quyết khiếu nại được thực hiện trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo thụ lý.

3. Khi cần thời gian để phục vụ cho việc xác minh như: tiến hành đo, vẽ, trưng cầu giám định, tổ chức tham khảo ý kiến của tư vấn, cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc Hội đồng chuyên môn (trong các lĩnh vực đặc thù) và các hoạt động khác thì thời gian thực hiện không quá 15 ngày.

4. Việc xem xét, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kiến nghị giải quyết khiếu nại của người có trách nhiệm xác minh.

Điều 6. Thời hạn xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai

1. Việc xác minh, tổ chức đối thoại, báo cáo xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại và dự thảo văn bản trình người giải quyết khiếu nại được thực hiện trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo thụ lý.

2. Những vụ việc khiếu nại xảy ra trên địa bàn vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì việc xác minh, tổ chức đối thoại, báo cáo xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại và dự thảo văn bản trình người giải quyết khiếu nại được thực hiện trong thời hạn 55 ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo thụ lý.

3. Khi cần thời gian để phục vụ cho việc xác minh như: tiến hành đo, vẽ, trưng cầu giám định, tổ chức tham khảo ý kiến của tư vấn, cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc Hội đồng chuyên môn (trong các lĩnh vực đặc thù) và các hoạt động khác thì thời gian thực hiện không quá 15 ngày.

4. Việc xem xét, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kiến nghị giải quyết khiếu nại của người có trách nhiệm xác minh.

Điều 7. Thụ lý việc giải quyết khiếu nại

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc lần hai phải:

1. Trường hợp khiếu nại đủ điều kiện thụ lý: Thụ lý giải quyết và có Thông báo thụ lý (theo Mẫu số 01-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP). Thông báo thụ lý được gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyên khiếu nại và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành.

2. Trường hợp khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý: ban hành Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại (theo Mẫu số 02-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP).

3. Trường hợp nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung: gửi Thông báo thụ lý cho người đại diện.

Điều 8. Trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), của Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận (sau đây gọi chung là cấp huyện) và của Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở

Tùy tính chất vụ việc mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc phân công cán bộ phụ trách lĩnh vực đó chịu trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại.

Điều 9. Trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tùy tính chất vụ việc mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc giao cơ quan thanh tra hoặc thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là người có trách nhiệm xác minh) xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại.

2. Chánh Thanh tra cấp huyện chịu trách nhiệm xác minh trong việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết lần đầu nhưng còn có khiếu nại hoặc những vụ việc có văn bản chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở và cấp tương đương (sau đây gọi chung là Sở)

1. Tùy theo lĩnh vực, Giám đốc Sở tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc giao cho Chánh Thanh tra Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở và cấp tương đương (sau đây gọi chung là người có trách nhiệm xác minh) xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của Giám đốc Sở, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp.

2. Chánh Thanh tra Sở chịu trách nhiệm xác minh trong việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

Điều 11. Trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Giám đốc Sở có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nào chịu trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc lĩnh vực đó.

2. Giám đốc Sở có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định giải quyết

khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc lĩnh vực do Sở phụ trách (trừ lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).

3. Chánh Thanh tra Thành phố xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết:

a) Khiếu nại lần đầu hoặc lần hai thuộc lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

b) Khiếu nại lần hai đối với lĩnh vực Giám đốc Sở đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại;

c) Các việc khác khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Điều 12. Việc kiểm tra quyết định hành chính, hành vi hành chính

1. Đối với những khiếu nại có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay, sau khi thụ lý, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu tiến hành kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

2. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Căn cứ pháp luật ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính;

b) Thẩm quyền ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính;

c) Nội dung của quyết định hành chính; việc thực hiện hành vi hành chính;

d) Trình tự, thủ tục ban hành, thể thức và kỹ thuật trình bày quyết định hành chính.

3. Thời gian tiến hành kiểm tra không quá 10 ngày, kể từ ngày thụ lý.

4. Căn cứ kết quả kiểm tra, trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính là đúng thì người có thẩm quyền giải quyết ban hành quyết định giải quyết khiếu nại ngay.

Điều 13. Giao xác minh nội dung khiếu nại

1. Khi tiếp nhận đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết và đủ điều kiện thụ lý:

a) Đối với cấp xã, cấp huyện và cấp Sở: người giải quyết khiếu nại phải ban hành Quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thuộc thẩm quyền, đủ điều

kiện thụ lý. Người có trách nhiệm xác minh phải ban hành Quyết định xác minh nội dung khiếu nại trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại.

Trường hợp tự mình xác minh thì người giải quyết khiếu nại ban hành Quyết định xác minh nội dung khiếu nại trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thuộc thẩm quyền, đủ điều kiện thụ lý.

b) Đối với cấp Thành phố: Chánh Thanh tra Thành phố hoặc Giám đốc Sở (sau đây gọi chung là người có trách nhiệm xác minh) phải ban hành Quyết định xác minh nội dung khiếu nại trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thuộc thẩm quyền, đủ điều kiện thụ lý.

2. Quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, quyết định xác minh nội dung khiếu nại được thực hiện theo Mẫu số 03-KN, 04-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCT.

Điều 14. Lập kế hoạch xác minh

1. Trưởng Đoàn, Tổ trưởng Tổ xác minh hoặc cá nhân được giao xác minh (sau đây gọi chung là người xác minh) chịu trách nhiệm lập kế hoạch xác minh (*theo Mẫu số 01 ban hành kèm Quy trình này*) và trình người ra quyết định giao xác minh phê duyệt.

2. Nội dung kế hoạch xác minh gồm có:

- a) Căn cứ pháp luật;
- b) Mục đích, yêu cầu;
- c) Nội dung xác minh;
- d) Các tài liệu, bằng chứng cần thu thập, kiểm tra;
- đ) Cơ quan, đơn vị, cá nhân cần phải làm việc để thu thập thông tin, tài liệu, bằng chứng;
- e) Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên trong Đoàn hoặc Tổ xác minh;
- g) Các điều kiện, phương tiện phục vụ cho việc xác minh;
- h) Dự kiến thời gian thực hiện từng công việc, thời gian dự phòng để xử lý các công việc phát sinh;
- i) Việc báo cáo tiến độ thực hiện;
- k) Các nội dung khác (nếu có).

3. Thời hạn lập kế hoạch không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao xác minh.

4. Thời hạn phê duyệt kế hoạch không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch.

Mục 2

XÁC MINH, ĐỐI THOẠI, KẾT LUẬN NỘI DUNG KHIẾU NẠI

Điều 15. Công bố quyết định xác minh nội dung khiếu nại

1. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định xác minh nội dung khiếu nại, người có trách nhiệm xác minh hoặc người xác minh gửi Quyết định xác minh nội dung khiếu nại đến người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Trong trường hợp cần thiết, người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh thực hiện việc công bố quyết định xác minh nội dung khiếu nại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người bị khiếu nại hoặc tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi phát sinh khiếu nại.

3. Thành phần tham dự buổi công bố gồm: người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh, người khiếu nại, người bị khiếu nại hoặc người đại diện của người khiếu nại, của người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

4. Nội dung buổi công bố Quyết định xác minh nội dung khiếu nại được lập thành biên bản, có chữ ký của những người dự công bố, giao một bản cho bên khiếu nại, một bản cho bên bị khiếu nại và một bản lưu hồ sơ giải quyết khiếu nại.

Điều 16. Thu thập, đánh giá thông tin, tài liệu, bằng chứng

1. Đối với người khiếu nại, người đại diện hoặc người được ủy quyền của người khiếu nại, luật sư, trợ giúp viên pháp lý:

Người xác minh có trách nhiệm làm việc trực tiếp và yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu sau:

a) Thông tin về người khiếu nại, người đại diện hoặc người được ủy quyền của người khiếu nại: họ, tên, chứng minh nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân khác), địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại;

- b) Văn bản ủy quyền có chứng thực của công chứng;
- c) Văn bản chứng minh việc đại diện hợp pháp;
- d) Giấy yêu cầu giúp đỡ về pháp luật;
- đ) Quyết định phân công trợ giúp pháp lý;
- e) Thẻ luật sư, thẻ trợ giúp viên pháp lý;
- g) Nội dung, căn cứ để khiếu nại;
- h) Thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại;
- i) Yêu cầu, đề nghị của người khiếu nại.

2. Đối với người bị khiếu nại:

Người xác minh làm việc trực tiếp và yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung bị khiếu nại; giải trình về quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại; ghi nhận những cơ sở làm căn cứ của việc giải quyết khiếu nại lần đầu; ý kiến đề xuất đối với việc giải quyết khiếu nại lần hai (nếu có).

3. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan:

Người có trách nhiệm xác minh gửi văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại (theo Mẫu số 06-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP). Văn bản yêu cầu nêu rõ thời hạn thực hiện báo cáo và bộ phận tiếp nhận. Trong trường hợp làm việc trực tiếp, người có trách nhiệm xác minh thông báo trước thời gian, địa điểm, nội dung làm việc và yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu, bằng chứng phục vụ cho buổi làm việc.

4. Nội dung các buổi làm việc được lập thành biên bản (theo Mẫu số 05-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP), có chữ ký của các bên. Trường hợp có người không ký biên bản thì phải ghi rõ lý do. Biên bản được lập ít nhất hai bản, mỗi bên giữ một bản.

5. Trong trường hợp không làm việc trực tiếp vì lý do khách quan thì người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh có văn bản yêu cầu người khiếu nại hoặc người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý của người khiếu nại, người bị khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng để làm rõ nội dung khiếu nại.

6. Các tài liệu cung cấp phải được đối chiếu với bản chính, có dấu sao y, sao lục hoặc đóng dấu treo, dấu xác nhận của cơ quan cung cấp. Trường hợp tài liệu là bản

sao không có bản chính, bản gốc để đối chiếu, hoặc tài liệu bị mất trang, mất chữ, cũ, mờ... thì người cung cấp có trách nhiệm ký xác nhận về tài liệu cung cấp. Khi tiếp nhận hồ sơ, người xác minh lập Giấy biên nhận (theo Mẫu số 07-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP).

7. Thời gian cung cấp, bổ sung các tài liệu (nếu có), văn bản giải trình được thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày người có trách nhiệm xác minh hoặc người xác minh yêu cầu.

8. Người giải quyết khiếu nại, người có trách nhiệm xác minh hoặc người xác minh phải đánh giá, nhận định về giá trị chứng minh của những thông tin, tài liệu, bằng chứng đã được thu thập trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, các nguyên tắc trong giải quyết khiếu nại. Thông tin, tài liệu, chứng cứ được sử dụng để kết luận nội dung khiếu nại phải xác định rõ nguồn gốc, tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp.

9. Các thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập trong quá trình giải quyết khiếu nại phải được sử dụng đúng quy định, quản lý chặt chẽ; chỉ cung cấp hoặc công bố khi người có thẩm quyền cho phép.

Điều 17. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan

1. Cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng có liên quan nội dung khiếu nại trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người có trách nhiệm xác minh, người xác minh.

2. Các tài liệu, hồ sơ cung cấp được đóng dấu xác nhận của cơ quan cung cấp.

3. Khi người có trách nhiệm xác minh đã có văn bản đôn đốc bổ sung hai lần mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan vẫn chưa cung cấp tài liệu hồ sơ theo yêu cầu thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

Điều 18. Xác minh thực tế

1. Người xác minh tiến hành việc xác minh thực tế để đối chiếu giữa thông tin thể hiện trên tài liệu so với thực tế; tiến hành đo đạc, kiểm tra để khẳng định tính chính xác, hợp pháp của các tài liệu, thông tin, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại.

2. Việc xác minh thực tế phải lập thành biên bản, ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện, kết quả xác minh, hiện trạng, ý kiến và chữ ký của những người tham gia quá trình xác minh thực tế (theo Mẫu số 02 ban hành kèm Quy trình này). Biên bản xác minh thực tế được cung cấp cho những người có liên quan và lưu trong hồ sơ giải quyết khiếu nại. Trường hợp có người không ký biên bản thì phải ghi rõ lý do.

Điều 19. Tham khảo ý kiến tư vấn

1. Đối với những vụ việc phức tạp, có nhiều vướng mắc do pháp luật chưa quy định cụ thể hoặc có nhiều quan điểm xử lý khác nhau, người có trách nhiệm xác minh tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi đối thoại.

2. Khi cần thiết, trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại thực hiện việc tham khảo ý kiến tư vấn qua hình thức gửi văn bản trao đổi, tổ chức hội nghị hoặc thành lập Hội đồng tư vấn, Hội đồng chuyên môn (trong lĩnh vực đặc thù).

3. Việc thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn, Hội đồng chuyên môn (trong lĩnh vực đặc thù) thực hiện theo Khoản 2, 3 Điều 20 Thông tư 07/2013/TT-TTTP.

Điều 20. Trưng cầu giám định

1. Việc trưng cầu giám định thực hiện theo Điều 15 Thông tư 07/2013/TT-TTTP.

2. Kết luận giám định được lưu trong hồ sơ giải quyết khiếu nại.

3. Kinh phí trưng cầu giám định do người yêu cầu giám định chi trả trong nguồn kinh phí ngân sách được giao hàng năm. Trường hợp giám định theo yêu cầu của người khiếu nại, người bị khiếu nại thì kinh phí giám định do những người này chi trả.

Điều 21. Tổ chức đối thoại

1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại khi:

a) Yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau;

b) Việc khiếu nại có liên quan đến tôn giáo, có yếu tố nước ngoài, phức tạp;

c) Quan điểm giải quyết vụ việc giữa các ngành không thống nhất;

d) Vụ việc có văn bản chỉ đạo của cấp trên.

2. Người chủ trì đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu là:

a) Đối với cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

b) Đối với cấp huyện: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

c) Đối với cấp Sở: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc;

d) Đối với cấp Thành phố: Chánh Thanh tra Thành phố hoặc Giám đốc Sở. Khi cần thiết, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì việc đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

3. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Điều 22. Trình tự đối thoại

1. Chuẩn bị đối thoại:

a) Hồ sơ đã được thẩm tra, xác minh; tài liệu, chứng cứ đã được thu thập;

b) Dự thảo báo cáo kết quả xác minh và hướng giải quyết đã được người có trách nhiệm xác minh phê duyệt;

c) Xác định các nội dung cần trao đổi, đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát sinh việc khiếu nại;

d) Tùy theo tính chất vụ việc, người chủ trì đối thoại trao đổi trước với các cơ quan tham dự đối thoại để thống nhất nội dung đối thoại, quan điểm giải quyết.

2. Trước khi diễn ra cuộc đối thoại ít nhất 05 ngày làm việc, người chủ trì tổ chức đối thoại thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, đại diện tổ chức chính trị - xã hội (nếu có) về thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại; người được thông báo có trách nhiệm tham dự buổi đối thoại đúng thời gian, địa điểm và thành phần.

3. Thành phần tham dự đối thoại:

a) Người khiếu nại; người bị khiếu nại; người có quyền và nghĩa vụ liên quan;

b) Người đại diện (nếu có);

c) Người được ủy quyền (nếu có);

- d) Luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý (nếu có);
- đ) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát sinh khiếu nại;
- e) Đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;
- g) Người giải quyết khiếu nại lần đầu.

4. Địa điểm tổ chức đối thoại: Cơ quan của người chủ trì đối thoại; trụ sở tiếp công dân của người giải quyết khiếu nại; trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát sinh khiếu nại.

5. Tiến hành đối thoại:

a) Kiểm tra thành phần tham dự đối thoại; tư cách tham dự của người khiếu nại; người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan; người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý (nếu có). Trường hợp thành phần đối thoại không dự đủ theo thư mời thì việc tiến hành đối thoại do người chủ trì quyết định;

b) Nêu lý do đối thoại, nội quy đối thoại, hướng dẫn các bên tham dự đối thoại cách thức đối thoại để đảm bảo cuộc đối thoại có trật tự và hiệu quả;

c) Báo cáo kết quả xác minh khiếu nại và kiến nghị giải quyết khiếu nại;

d) Người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, Luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý (nếu có) trình bày ý kiến về nội dung sự việc, kết quả xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại do người chủ trì đối thoại công bố; trình bày tóm tắt nội dung sự việc, nguyện vọng và cung cấp các chứng cứ pháp lý; trả lời các câu hỏi do người chủ trì đối thoại, người được giao xác minh, các cơ quan tham dự đặt ra trong quá trình đối thoại;

đ) Người giải quyết khiếu nại lần đầu, đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham dự đối thoại nêu ý kiến;

e) Người chủ trì đối thoại kết luận về nội dung đối thoại và hướng giải quyết.

6. Lập biên bản đối thoại:

Buổi đối thoại được lập biên bản, thể hiện đầy đủ ý kiến của những người tham dự, có chữ ký hoặc điểm chỉ của những người dự đối thoại, có đóng dấu treo của cơ quan người chủ trì đối thoại. Trường hợp có người tham dự đối thoại không ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do. Biên bản đối thoại là căn cứ để giải quyết khiếu nại được lưu vào hồ sơ giải quyết khiếu nại và gửi cho các thành viên tham dự đối thoại, mỗi người một bản (*theo Mẫu số 14-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP*).

Điều 23. Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại

1. Trách nhiệm của người xác minh:

a) Đảm bảo tính chính xác, khách quan, hợp pháp của thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được;

b) Trên cơ sở tổng hợp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, kết quả đối thoại, hoàn chỉnh báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, dự thảo Quyết định giải quyết khiếu nại (theo Mẫu số 11-KN, số 15-KN hoặc số 16-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP), trình người ra quyết định giao xác minh phê duyệt;

c) Gửi báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan đến người giải quyết khiếu nại, đồng thời thông báo tiến độ cho người khiếu nại và cho đơn vị tiếp công dân cùng cấp biết để cập nhật thông tin phục vụ công tác tiếp công dân và tổng hợp báo cáo theo quy định (theo Mẫu số 03, 04 ban hành kèm Quy trình này) trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo.

2. Trách nhiệm của người ban hành Quyết định xác minh nội dung khiếu nại:

a) Xem xét, phê duyệt và ký báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại kịp thời, đảm bảo thời hạn được giao;

b) Chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, căn cứ kiến nghị nội dung giải quyết khiếu nại.

3. Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại đảm bảo về hình thức, nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư 07/2013/TT-TTCP.

Điều 24. Trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại

1. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, kết quả xác minh, kết quả đối thoại, kết quả trưng cầu giám định và kết quả tham khảo ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có), người giải quyết khiếu nại ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Thông tư 07/2013/TT-TTCP.

2. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho từng người hoặc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại kèm theo danh sách những người khiếu nại.

Điều 25. Đình chỉ việc giải quyết khiếu nại

1. Khi người khiếu nại có đơn rút khiếu nại, người có trách nhiệm xác minh lập văn bản báo cáo và dự thảo Quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại, trình người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn rút khiếu nại.

2. Người giải quyết khiếu nại xem xét, ký ban hành Quyết định đình chỉ (theo Mẫu số 12-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP) trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của người có trách nhiệm xác minh và gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã chuyển khiếu nại, người có trách nhiệm xác minh và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp.

Điều 26. Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại

1. Trong quá trình thụ lý hồ sơ giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó (theo Mẫu số 09-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP).

Thời hạn tạm đình chỉ không vượt quá thời gian còn lại của thời hạn giải quyết.

Khi xét thấy lý do của việc tạm đình chỉ không còn thì phải ra quyết định hủy bỏ ngay quyết định tạm đình chỉ đó (theo Mẫu số 10-KN của Thông tư 07/2013/TT-TTCP).

2. Quyết định tạm đình chỉ, quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ được gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, những người có trách nhiệm thi hành khác trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành và được lưu trong hồ sơ giải quyết khiếu nại.

Mục 3

KẾT THÚC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 27. Gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết khiếu nại hoặc người có thẩm quyền, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp.

Điều 28. Gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần hai

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến, người có trách nhiệm xác minh, bộ phận tiếp công dân và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp.

Điều 29. Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại lần hai

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại thực hiện như sau:

1. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại cập nhật Quyết định giải quyết khiếu nại lên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan (nếu có);

2. Văn phòng Tiếp công dân Thành phố hoặc Tổ Tiếp công dân quận, huyện niêm yết Quyết định giải quyết khiếu nại tại nơi tiếp công dân trong vòng 15 ngày, kể từ ngày niêm yết.

3. Người có trách nhiệm xác minh niêm yết Quyết định giải quyết khiếu nại tại nơi tiếp công dân trong vòng 15 ngày, kể từ ngày niêm yết và cập nhật lên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan (nếu có) ít nhất 15 ngày.

Điều 30. Lập, quản lý hồ sơ giải quyết khiếu nại

Việc lập, quản lý hồ sơ giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định tại Điều 34, 43 Luật Khiếu nại và Điều 23 Thông tư 07/2013/TT-TTCP.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 31. Tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về giải quyết khiếu nại**

1. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã chịu trách nhiệm phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện Quy trình này.

2. Chánh Thanh tra Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với Trường Cán bộ Thành phố tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giải quyết khiếu nại cho đội ngũ cán bộ, công chức, chuyên viên, thanh tra viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại trên địa bàn.

3. Chánh Thanh tra các cấp, các ngành giúp Thủ trưởng cùng cấp quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại trên địa bàn.

4. Định kỳ hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, năm, Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả giải quyết khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng gửi đến Thanh tra Thành phố và Văn phòng Tiếp công dân Thành phố để tổng hợp, báo cáo chung.

5. Giao Chánh Thanh tra Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Quy trình này.

Điều 32. Bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi Quy trình

Trong quá trình thực hiện Quy trình, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm phản ánh kịp thời đến Thanh tra Thành phố để tổng hợp, nghiên cứu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi Quy trình cho phù hợp với thực tiễn của Thành phố và các quy định pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-.....

....., ngày tháng năm 201

KẾ HOẠCH
Xác minh nội dung khiếu nại

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định(1).....

- Thời điểm thụ lý:

II. Nội dung kế hoạch:

1. Nội dung khiếu nại:

.....

2. Mục đích, yêu cầu:

.....

3. Nội dung xác minh:

- Tài liệu cần thu thập:

- Nội dung cần xác minh:.....

- Nội dung trao đổi, làm việc với các cơ quan liên quan.....

4. Nhiệm vụ của các thành viên và dự kiến thời gian thực hiện:

.....

III. Điều kiện phục vụ (tài chính, phương tiện):

.....

IV. Việc báo cáo tiến độ thực hiện:

.....

Kính trình lãnh đạo xem xét, phê duyệt.

Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI XÁC MINH

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Quyết định xác minh nội dung khiếu nại

M02

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC MINH
NỘI DUNG KHIẾU NẠI**

1. Thời gian: từ giờ đến giờ....., thứ ngày tháng năm 201....

2. Địa điểm: tại số, đường, xã (phường), huyện (quận)

3. Thành phần:

Đóng
dấu giáp
lại

Số TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CƠ QUAN
1. Đại diện cơ quan chủ trì xác minh:			
2. Đại diện Ủy ban nhân dân quận (huyện):			
3. Đại diện Ủy ban nhân dân phường (xã):			
4. Đại diện các cơ quan liên quan (nếu có):			
5. Những người chứng kiến			

4. Nội dung xác minh:

.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

5. Kết quả xác minh:

Đóng
dấu giáp
lai

.....
.....
.....
.....
.....

Buổi xác minh kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, biên bản có đọc cho những người tham dự nghe, công nhận nội dung xác minh là đúng và đồng ý ký tên.

**ĐẠI DIỆN UBND
PHƯỜNG (XÃ)**
(Ký tên, đóng dấu xác nhận)

**ĐẠI DIỆN UBND
QUẬN (HUYỆN)**
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
XÁC MINH**
(Ký tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN LIÊN QUAN
(Ký tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký tên)

M03

TÊN CƠ QUAN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm 201

**THÔNG BÁO
Về tiến độ giải quyết khiếu nại**

Kính gửi: Ông/Bà (1)

Địa chỉ:.....

..... (2) nhận được đơn của Ông/Bà (đề ngày
..... tháng năm) về việc:(3).....Ngày tháng năm, (2) đã có
Báo cáo số:/BC- kiến nghị (4) xem xét
giải quyết...... (2) báo tin để Ông/Bà biết và liên hệ với
..... (5), địa chỉ số
....., đường, phường (xã)
....., quận (huyện) để biết tiến độ giải quyết.Văn bản giải quyết sẽ được (4) gửi đến
địa chỉ nơi cư trú của Ông (Bà)/.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

(1) Họ tên người khiếu nại;

(2) Tên cơ quan thông báo;

(3) Nội dung khiếu nại;

(4) Người giải quyết khiếu nại;

(5) Tên cơ quan, bộ phận tiếp công dân của người giải quyết khiếu nại;

TÊN CƠ QUAN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm 201

**THÔNG BÁO
Về tiến độ giải quyết khiếu nại**

Kính gửi: (1)

..... (2) nhận được đơn của Ông/Bà(3)..... (đề
ngày tháng năm) về việc:(4)..........
Ngày tháng năm,(2)..... đã
có Báo cáo số:/BC- kiến nghị (5)
xem xét giải quyết.

.....(2)..... thông báo để quý cơ quan được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan, bộ phận tiếp công dân của người giải quyết khiếu nại;

(2) Tên cơ quan thông báo;

(3) Họ tên người khiếu nại;

(4) Nội dung khiếu nại;

(5) Người giải quyết khiếu nại;

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 17 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng - an ninh và ngân sách của UBND Quận năm 2014****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/QU ngày 07/01/2014 của Quận ủy về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh và ngân sách của Ủy ban nhân dân Quận năm 2014.

Điều 2. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc Quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể của từng đơn vị nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách Quận năm 2014.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc Quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Thị Hồng Liên

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2014

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận)*

Theo dự báo năm 2014, tình hình kinh tế của đất nước nói chung và Thành phố nói riêng tiếp tục khó khăn. sản xuất kinh doanh phục hồi còn chậm; giá cả các mặt hàng chủ lực như điện, nhiên liệu tăng; thị trường bất động sản chưa có chuyển biến tích cực; chi tiêu công tiếp tục được thắt chặt; lượng người từ các tỉnh, thành khác tới lưu trú, lao động, học tập tăng nhanh... là những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân Quận, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và đời sống của nhân dân.

Nhằm triển khai thực hiện tốt Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2014 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Đảng bộ Quận khóa IV về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2014; Ủy ban nhân dân Quận tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, tập trung mọi nguồn lực triển khai có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ Quận đã đề ra, góp phần cùng Thành phố ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, đẩy mạnh phục hồi sản xuất, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Để thực hiện được những chỉ tiêu nhiệm vụ trên, UBND Quận yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc Quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường tập trung thực hiện các nhiệm vụ và những giải pháp chủ yếu sau:

I. Tập trung các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, bình ổn giá cả thị trường; phát triển nông nghiệp đô thị gắn với du lịch sinh thái:

Phần đầu tổng doanh thu Thương mại - Dịch vụ tăng **18%**; Giá trị sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tăng **11%** so với năm 2013.

1. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp các ngành, đơn vị liên quan:

1.1. Làm việc với các doanh nghiệp, siêu thị nhằm đảm bảo lượng hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ 2014, đảm bảo không để tình trạng khan hiếm hoặc thiếu hàng hóa xảy ra.

1.2. Thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình giá cả thị trường, thực hiện tốt công tác kiểm tra quản lý giá, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán. Tăng cường kiểm tra hoạt động kinh doanh của các chợ; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá, các hành vi đầu cơ, găm hàng, gian lận thương mại, buôn lậu, sản xuất và kinh doanh hàng gian, hàng giả, hàng không nhãn mác, hàng kém chất lượng; Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; phối hợp với Sở Công Thương tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng bán hàng cho tiểu thương tại các chợ.

1.3. Phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên làm việc với Tổng công ty thương mại Sài Gòn, Công ty Vissan, Sài Gòn Co.op tổ chức các điểm bán hàng bình ổn giá lưu động phục vụ nhân dân vùng sâu, khu vực đông công nhân, người lao động; tiếp tục phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ tiện ích, tiện lợi trên địa bàn.

1.4. Tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết khó khăn để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh thông qua các giải pháp như: tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về một số biện pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu và Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện việc gia hạn, giảm một số khoản thu ngân sách Nhà; tổ chức họp mặt, gặp gỡ doanh nghiệp để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh.

1.5. Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh để hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hoạt động đúng theo quy định của pháp luật. Tiếp tục củng cố các Ban quản lý chợ nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các chợ, đảm bảo văn minh thương nghiệp. Tham mưu UBND quận thực hiện kế hoạch thí điểm mô hình đấu thầu quản lý, khai thác một số chợ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chợ truyền thống trên địa bàn.

1.6. Duy trì công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, trong đó tập trung kiểm tra tình hình sử dụng nông dược trên rau màu; tình hình vận chuyển, kinh doanh gia cầm sống, sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc. Thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn các trường hợp chăn nuôi heo trái phép, không đúng vùng quy hoạch để từng bước giảm lượng đàn và tránh gây ô nhiễm môi trường theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 04/6/2013 của UBND Quận về điều chỉnh quy hoạch chăn nuôi trên địa bàn Quận.

1.7. Triển khai Đề án phát triển 100 ha vườn cây gắn với du lịch sinh thái tại phường Long Phước; phối hợp với sở Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ xây dựng các bến cập tàu du lịch tại phường Long Phước, Long Bình. Tiếp tục phối hợp với Tổng công ty Du lịch Sài Gòn-TNHH Một Thành viên khai thác tour du lịch trên địa bàn Quận. Tạo điều kiện để nhân dân đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch.

II. Tăng cường công tác thu, quản lý và sử dụng hiệu quả ngân sách; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư:

1. Chi Cục Thuế chủ trì, phối hợp các ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường:

1.1. Phần đầu thu ngân sách nhà nước đạt **510** tỷ đồng, thu ngân sách địa phương đạt 519,808 tỷ đồng. Trong đó tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền và giải quyết các vướng mắc trong lĩnh vực thuế; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đẩy mạnh hoạt động và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế.

1.2. Tăng cường công tác quản lý và khai thác các nguồn thu; tập trung thu hồi nợ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; tiếp tục làm việc với các đơn vị nợ thuế lớn để thu hồi nợ thuế...; giải quyết nhanh những vướng mắc về hồ sơ, thủ tục để thực hiện tốt công tác thu thuế đất phi nông nghiệp; tăng cường công tác quản lý và khai thác các nguồn thu.

1.3. Tiếp tục rà soát, công khai hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế; tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục hành chính cho người nộp thuế, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, duy trì cử cán bộ trực tiếp xuống các phường xa trung tâm để hỗ trợ người dân trong nộp thuế. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thuế, trốn thuế, nợ đọng thuế kéo dài và các vi phạm pháp luật về thu ngân sách nhà nước.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

2.1. Triển khai nhiệm vụ, kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2014 cho các đơn vị để thực hiện ngay từ đầu năm. Tham mưu UBND Quận điều hành dự toán thu, chi ngân sách theo đúng dự toán được duyệt, đúng chế độ tiêu chuẩn định mức, đảm bảo cân đối thu chi, có mức kết dư ngân sách đạt **3%** trên tổng chi thường xuyên.

2.2. Thực hiện nghiêm túc chế độ công khai dự toán, quyết toán của các đơn vị sử dụng ngân sách để đảm bảo sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả; phát hiện, ngăn chặn kịp thời những sai phạm tiêu cực trong quản lý tài chính, tài sản công.

2.3. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để tổ chức bán đấu giá các khu đất công do Quận

quản lý để bổ sung vốn đầu tư. Cân đối nguồn ngân sách của Quận và tranh thủ các nguồn vốn của Thành phố để đầu tư hoàn thành các công trình chuyển tiếp và triển khai các công trình trọng tâm, các công trình đã hoàn tất thủ tục đầu tư, các công trình chỉnh trang đô thị tại phường Phước Long B, Tăng Nhơn Phú A. Trên cơ sở đánh giá xác định lại quy mô công trình, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư của Thành phố báo cáo xin chủ trương Thành phố điều chỉnh danh mục, quy mô, vị trí công trình chưa phù hợp. Tập trung hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án để triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch khi được ghi vốn. Khảo sát, lập phương án nâng cấp trụ sở UBND Quận tại vị trí hiện hữu để trình Thành phố phê duyệt chủ trương và kinh phí thực hiện. Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các chủ đầu tư và đơn vị thi công trong thực hiện các công trình sử dụng vốn ngân sách. Tăng cường công tác giám sát cộng đồng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.

2.4. Phối hợp Kho bạc Nhà nước quận thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, xử lý các vi phạm, không để thất thoát, đảm bảo sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác đúng mục đích, đúng pháp luật.

3. Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình, Phòng Tài chính Kế hoạch và Ủy ban nhân dân các phường:

3.1. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình trường tiểu học và THCS Phước Bình, trường tiểu học Phước Long B, trường THCS Trần Quốc Toản để đưa vào sử dụng trong năm học 2014 - 2015; dự án đường vào nhà Thiếu nhi.

3.2. Tập trung hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư các công trình: nâng cấp mở rộng đường Lã Xuân Oai, đường Bung Ông Thoàn, trường Mầm non Long Sơn, mầm non Long Bửu, mầm non Long Phước, dự án xây dựng, nâng cấp trụ sở hành chính Quận tại vị trí hiện hữu.

3.3. Hoàn tất thủ tục chuẩn bị đầu tư các công trình: Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị Quận, mở rộng đường Hoàng Hữu Nam (đoạn từ bến xe miền Đông mới đến nút giao Xa lộ Hà Nội).

3.4. Tập trung kiến nghị Thành phố bố trí vốn để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng đường Lê Văn Việt (đoạn ngã 4 Thủ Đức đến ngã 3 Lã Xuân Oai); dự án xây dựng nâng cấp trụ sở UBND Quận; dự án trường tiểu học, trường mầm non Long Phước.

3.5. UBND các phường tăng cường vận động, phát huy nội lực trong nhân dân để tiếp tục thực hiện bê tông hóa các tuyến đường hẻm trên địa bàn.

III. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, nhà đất, trật tự đô thị, bảo vệ môi trường, phòng chống bão lũ, phòng cháy chữa cháy; tập trung hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm:

1. Phòng Quản lý Đô thị chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan:

1.1. Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc để hoàn chỉnh thủ tục trình Thành phố phê duyệt 02 đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 còn lại. Kịp thời công khai đến nhân dân các đồ án quy hoạch ngay sau khi được Thành phố phê duyệt.

1.2. Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ pháp luật về quy hoạch đất đai, nhà ở và xây dựng. Nâng cao vai trò trách nhiệm của Đội Quản lý trật tự đô thị Quận và Ủy ban nhân dân các phường trong công tác quản lý trật tự đô thị; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về xây dựng. Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp san lấp mặt bằng, lấn chiếm sông rạch, khai thác cát trái phép; thường xuyên kiểm tra và cương quyết xử lý triệt để các trường hợp buôn bán lấn chiếm lòng, lề đường. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Quyết định có hiệu lực pháp luật.

1.3. Phối hợp Khu Quản lý giao thông đô thị số 2 và Trung tâm điều hành chống ngập nước Thành phố để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư, cải tạo hệ thống thoát nước đường Đỗ Xuân Hợp; phối hợp với Công ty chiếu sáng công cộng Thành phố sửa chữa, lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng. Thường xuyên thực hiện công tác duy tu, sửa chữa các công trình giao thông hư hỏng, xuống cấp.

1.4. Đôn đốc Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức bố trí vốn để đầu tư mạng lưới nước sạch trên địa bàn Quận; đặc biệt là các khu vực dân cư trên địa bàn phường Tân Phú, Phú Hữu, Long Trường, Trường Thạnh, Long Phước và một số khu vực khác theo kế hoạch khảo sát năm 2013 và những khu vực khác; bổ sung tuyến ống, gán đồng hồ nước cho hộ dân các cụm dân cư đã có mạng lưới cấp nước. Vận động kinh phí thực hiện lắp đặt các bồn nước để phục vụ các khu vực dân cư ở trong vùng sâu không thể đầu tư được hệ thống nước sạch. Phấn đấu đến cuối năm tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch và sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

2. Phòng Tài nguyên - Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan:

2.1. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả quỹ đất công trên địa bàn. Thường xuyên kiểm tra tiến độ các dự án đã được giao đất, cho thuê đất; kiến nghị Thành phố thu hồi những dự án đã có quyết định giao đất nhưng không triển khai thực hiện để phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển của Quận. Tiếp tục

vận hành có hiệu quả phần mềm hệ thống thông tin địa lý (GIS) vào công tác quản lý đô thị, đất đai.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Cương quyết xử lý các trường hợp gây ô nhiễm môi trường ở các khu dân cư; xử lý triệt để các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường. Rà soát, thống kê hiện trạng khai thác, sử dụng nước ngầm, xây dựng lộ trình chấm dứt việc khai thác nước ngầm. Giải quyết dứt điểm các cơ sở kinh doanh, kho bãi chứa than trên địa bàn Quận.

2.3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 14/12/2009 của Ủy ban nhân dân Quận về việc tăng cường quản lý đất đai do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn; đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công tác thu hồi đất để thực hiện các dự án.

2.4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Xử lý triệt để các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường; trong đó xử lý **100%** cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm trong khu dân cư.

2.5. Phối hợp với các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các phường thường xuyên kiểm tra, xử lý kiên quyết các trường hợp khai thác cát trái phép.

3. Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão, cứu nạn cứu hộ Quận:

3.1. Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện tốt Phương án phòng chống bão lũ trên địa bàn, kịp thời khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra, trong đó tập trung kiểm tra việc chấp hành các quy định về đưa đón khách tại các bến đò; khảo sát các khu vực dễ bị sạt lở để gia cố sửa chữa; khắc phục các điểm thường xảy ra ngập úng.

3.2. Thường xuyên kiểm tra công tác xây dựng kế hoạch phòng chống lụt bão, cứu nạn cứu hộ đối với UBND 13 phường; kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn để có đầu tư bổ sung kịp thời.

4. Ban Chỉ đạo Phòng cháy chữa cháy Quận phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các phường và các doanh nghiệp:

4.1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức phòng cháy chữa cháy; tăng cường công tác tập huấn về nghiệp vụ công tác phòng cháy, chữa cháy; phát động các phong trào tự quản về đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy ở khu dân cư, chợ, cơ sở sản xuất, kinh doanh; tổ chức tốt hội thao phòng cháy chữa cháy năm 2014.

4.2. Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng cháy chữa cháy tại các cơ quan, doanh nghiệp, các khu vực có nguy cơ cháy cao. Kiên quyết xử lý đối với các vi phạm về an toàn phòng cháy chữa cháy.

5. Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các phường và chủ đầu tư các dự án:

5.1. Tiếp tục đeo bám và phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ngành Thành phố để giải quyết nhanh các vướng mắc về chính sách trong công tác bồi thường, bố trí tái định cư cho nhân dân.

5.2. Chỉ đạo cán bộ, nhân viên Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng phối hợp cùng với các đoàn thể chính trị xã hội của Quận và hệ thống chính trị phường tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân di dời để bàn giao mặt bằng.

5.3. Tập trung công tác cưỡng chế hành chính đối với một số hộ dân cố tình không chấp hành để đẩy nhanh tiến độ thu hồi mặt bằng, đảm bảo hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng dự án mở rộng lộ giới Xa lộ Hà Nội, Khu Công nghệ cao, GS, dự án xây dựng tuyến kết nối đại lộ Đông - Tây với đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây đoạn từ Km 0 - Km 4 và nút giao với đường Vành đai 2; đường vào nhà Thiếu nhi.

IV. Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các danh hiệu văn hóa; Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Thực hiện có hiệu quả công tác an sinh xã hội:

1. Phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Văn hóa chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan:

1.1. Tổ chức tuyên truyền và thực hiện tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn và các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, các hoạt động và tình hình phát triển kinh tế xã hội của Quận trong năm 2014, gắn với tuyên truyền tiếp tục thực hiện việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

1.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm trên lĩnh vực văn hóa. Tiếp tục đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đi vào chiều sâu. Giữ vững 06 phường đạt chuẩn Văn minh đô thị, phấn đấu ra mắt 02 phường văn minh đô thị; tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; giữ vững 58 khu phố văn hóa; 85% gia đình văn hoá, 80% đơn vị, cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hóa.

1.3. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng và huy động các tầng lớp nhân dân tham

gia thực hiện tốt nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị. Phát huy trách nhiệm của các tổ chức ở địa bàn dân cư; trách nhiệm của nhân dân trong việc giữ gìn vệ sinh, môi trường, lập lại trật tự đô thị.

2. Trung tâm Thể dục Thể thao chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan:

2.1. Xây dựng chương trình, kế hoạch tiếp tục phát triển mạnh phong trào thể dục - thể thao quần chúng; tập trung củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức Hội, Câu lạc bộ. Thúc đẩy phong trào thể dục thể thao ở các trường học, doanh nghiệp, địa bàn dân cư, phấn đấu tiếp tục nâng cao tỷ lệ người dân tham gia tập luyện thể thao thường xuyên so với năm 2013.

2.2. Tăng cường công tác tuyển chọn, bồi dưỡng vận động viên; chủ động chuẩn bị lực lượng huấn luyện viên, vận động viên để nâng cao thành tích thi đấu ở các giải thể thao Thành phố, toàn quốc.

2.3. Xây dựng các giải pháp kêu gọi xã hội hóa trong đầu tư cho hoạt động thể thao cơ sở. Quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất phục vụ thể thao hiện có.

3. Phòng Giáo dục chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan:

3.1. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; không ngừng cải tiến phương pháp dạy và học nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục đào tạo. coi trọng giáo dục truyền thống, lý tưởng, nhân cách, phẩm chất đạo đức, lối sống cho học sinh. Tăng cường các biện pháp phòng chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học.

3.2. Tiếp tục thực hiện Đề án xã hội hoá giáo dục giai đoạn 2011 - 2015; tăng cường quản lý hệ thống trường ngoài công lập, Đặc biệt là đối với các trường mầm non, các nhóm trẻ gia đình. Cùng với cấp ủy và UBND phường xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng.

3.3. Tập trung hoàn thành các trường đang thi công và đầu tư, sửa chữa, mở rộng trường lớp và trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia. Phấn đấu xây dựng 02 trường đạt chuẩn Quốc gia; huy động học sinh vào lớp 1, lớp 6 đạt tỷ lệ 100%. Hiệu suất đào tạo tiểu học đạt 99%. Hiệu suất đào tạo trung học cơ sở đạt 92%. Giữ vững các chỉ tiêu xóa mù, phổ cập giáo dục mầm non.

4. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan:

4.1. Trung tâm Y tế dự phòng và Bệnh viện quận duy trì công tác giáo dục nâng

cao y đức, tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ y bác sỹ, cán bộ nhân viên y tế. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế cho diện chính sách, dân nghèo.

4.2. Trung tâm Y tế dự phòng phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế, dân số; kiểm soát chặt chẽ và có biện pháp xử lý kịp thời không để các loại bệnh phát sinh dịch; tổ chức tuyên truyền thường xuyên về phòng chống dịch bệnh để nâng cao ý thức của người dân. Tập trung công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các Trạm y tế phường. Giữ vững **13** phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

4.3. Phòng Y tế tăng cường công tác thanh tra y dược tư nhân; quản lý chặt chẽ hoạt động khám chữa bệnh của các phòng khám tư nhân. Phối hợp Ủy ban nhân dân các phường tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, kiểm tra đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. tiếp tục vận động các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn Quận tham gia bán thuốc bình ổn giá.

4.4. Phòng Y tế phối hợp với các Ngành, các Đoàn thể và UBND các phường thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; tăng cường các hoạt động truyền thông về dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, sức khỏe sinh sản; duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức **1,25%**.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, chủ trì, phối hợp với các Ngành, Đoàn thể, Ủy ban nhân dân các phường:

5.1. Triển khai thực hiện tốt các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo diện chính sách, dân nghèo; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách an sinh xã hội. Tập trung thực hiện Đề án giảm nghèo - tăng hộ khá, trong đó tập trung huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện công tác giảm nghèo; hỗ trợ hộ nghèo được vay vốn từ quỹ giảm nghèo; đồng thời tạo điều kiện để các hộ được tiếp cận với các nguồn vốn ưu đãi để sản xuất kinh doanh ổn định cuộc sống; hỗ trợ lao động có nhu cầu đi làm việc ở ngoài nước; tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi cho hộ nghèo, người nghèo.

5.2. Triển khai chương trình giảm hộ nghèo, tăng hộ khá theo tiêu chí mới của Thành phố, đưa **2.100** hộ nghèo vượt chuẩn 16 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ nợ quá hạn dưới 3%.

5.3. Phối hợp Liên đoàn Lao động quận, hướng dẫn và theo dõi việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, nắm chắc tình hình đời sống, sinh hoạt của công nhân; phối hợp giải quyết kịp thời và nhanh chóng các vụ đình công, không để ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và an ninh trật tự trên địa bàn.

5.4. Phối hợp các Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, can thiệp trẻ em bị lạm dụng sức lao động, bị bạo hành, bị tai nạn thương tích, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đảm bảo mọi trẻ em được hưởng các dịch vụ y tế cơ bản và giáo dục có chất lượng. Thực hiện tốt việc cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi.

5.5. Tăng cường công tác phòng chống tệ nạn xã hội; hỗ trợ người sau cai nghiện tái hoà nhập cộng đồng ổn định cuộc sống; quản lý chặt chẽ các đối tượng dễ hạn chế tái phạm tình trạng tái nghiện. Củng cố, duy trì hoạt động của Câu lạc bộ “Sức sống mới” gắn với các giải pháp quản lý của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở. Kiên quyết đưa các đối tượng tệ nạn xã hội vào các trường, trung tâm xã hội.

6. Trường trung cấp nghề Đông Sài Gòn phối hợp với các đơn vị và các phường:

Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy nghề theo nhu cầu của thị trường lao động; phối hợp với các trường Cao đẳng trên địa bàn để mở rộng các hình thức dạy nghề, đa dạng các ngành nghề đào tạo; chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn, lao động có đất bị thu hồi, gia đình chính sách, bộ đội xuất ngũ; tăng cường công tác tuyên truyền định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học; tập trung công tác giới thiệu giải quyết việc làm cho nhân dân địa phương.

V. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước; thực hiện tốt quy chế dân chủ; phòng chống tham nhũng, lãng phí:

1. Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan:

1.1. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2014 theo lộ trình thực hiện Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2010 - 2015. Tập trung thực hiện có hiệu quả giai đoạn III của Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính. Triển khai đồng bộ, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “Một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh việc ứng dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin từ Quận đến Phường; hoàn thiện Hệ thống «Một cửa

điện tử». Tổ chức triển khai phần mềm «một cửa» do thành phố đầu tư. Tiếp tục thực hiện công tác rà soát thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thành phố.

1.2. Xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và giáo dục đạo đức, phẩm chất chính trị cho cán bộ, công chức. Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện tốt công tác Dân vận của chính quyền và Quy chế dân chủ ở cơ sở, trong đó chỉ đạo từng cơ quan, đơn vị, cá nhân, cán bộ, công chức phải đăng ký các công trình, việc làm cụ thể.

1.4. Tiếp tục rà soát, tham mưu củng cố các Ban Chỉ đạo, Hội đồng nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chương trình đạt hiệu quả cao. Rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn theo Quy chế mẫu của Thành phố; tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh lại lề lối làm việc của các phòng, ban và UBND các phường.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận chủ trì phối hợp với các phòng ban:

2.1. Thường xuyên làm việc với Sở Thông tin Truyền thông đề được ghi vốn đầu tư nâng cấp công nghệ thông tin của Quận theo kế hoạch đã được duyệt năm 2013. Triển khai vận hành có hiệu quả các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin từ Quận đến Phường; duy trì tốt hoạt động «Trang thông tin điện tử».

2.2. Tham mưu Ủy ban nhân dân Quận kế hoạch tiếp xúc đối thoại giữa lãnh đạo Ủy ban nhân dân Quận với tổ trưởng tổ dân phố và trưởng khu phố năm 2014; tổ chức tốt công tác tiếp công dân; đôn đốc cơ quan liên quan tăng cường trách nhiệm trong công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo đúng luật định.

2.3. Tiếp tục tham mưu UBND chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị duy trì thực hiện các giải pháp về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, những nhiễu mà kế hoạch số 05/KH-UBND của UBND Quận về các giải pháp khắc phục tồn tại, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI về xây dựng Đảng; thực hiện Chỉ thị 13/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trong tình hình mới.

3. Các Phòng, ban, Ủy ban nhân dân các phường:

3.1. Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng điều hành, thực hiện công vụ, thường xuyên giáo dục đạo

đức, phẩm chất chính trị cho công chức. Đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong đấu tranh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc vi phạm, những hành vi nhũng nhiễu, vòi vĩnh nhân dân.

3.3. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Tiếp tục ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong giải quyết hồ sơ hành chính cho công dân. Thực hiện ứng dụng có hiệu quả các phần mềm công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước.

3.4. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; nâng cao chất lượng công tác thanh tra nhân dân gắn với hoà giải cơ sở.

3.5. Tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể phát huy vai trò giám sát phát hiện, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí.

4. Phòng Tư pháp:

4.1. Tiếp tục củng cố đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp Quận và mạng lưới tuyên truyền viên pháp luật ở 13 phường để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Tham mưu xây dựng và triển khai Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2014 sâu rộng trong cán bộ, công chức và nhân dân.

4.2. Tổ chức thực hiện tốt công tác rà soát văn bản do Ủy ban nhân dân Quận ban hành nhằm không ngừng nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Quận.

5. Thanh tra Quận chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan:

5.1. Tổ chức thực hiện tốt Luật phòng, chống tham nhũng, Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân.

5.2. Tham mưu UBND Quận mở mới một số cuộc thanh tra trong các lĩnh vực và thanh tra diện rộng theo kế hoạch thanh tra của Thành phố về thực hiện các cuộc thanh tra trách nhiệm trong phòng chống tham nhũng và khiếu nại, tố cáo. Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát các đầu mối công việc của cơ quan, đơn vị để phát hiện kịp thời các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, quan liêu, tham nhũng.

5.3. Tham mưu Ủy ban nhân dân Quận đôn đốc, chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị

thuộc Quận trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, nhất là các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nhạy cảm; kiên quyết xử lý nghiêm đối với các trường hợp tiêu cực.

5.4. Phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; nắm chắc tình hình khiếu kiện đông người và phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý kịp thời các tình huống phức tạp.

VI. Tăng cường công tác Quốc phòng - An ninh:

1. Ban Chỉ huy quân sự chủ trì:

1.1. Tham mưu thực hiện nghiêm túc Quy chế và Kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo phòng thủ - kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với củng cố quốc phòng an ninh. Tiếp tục xây dựng địa bàn Quận thành khu vực phòng thủ vững chắc theo Nghị định 152 của Chính phủ; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nghĩa vụ quân sự, Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh, Ban chỉ đạo phòng không nhân dân, Ban chỉ huy thống nhất Quận.

1.2. Tăng cường công tác giáo dục chính trị nhằm nâng cao chất lượng chính trị của lực lượng vũ trang theo Kết luận số 41 và Chỉ thị 16 của Ban Bí thư; xây dựng Ban Chỉ huy quân sự phường vững mạnh toàn diện và đề án xây dựng, huấn luyện và tổ chức hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ đến năm 2015 sát với điều kiện thực tiễn của địa phương. Hoàn thành 100% chỉ tiêu xây dựng lực lượng võ trang địa phương (tuyển quân, tuyển sinh quân sự, luân phiên dân quân - xây dựng lực lượng dự bị động viên). Nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa lực lượng Dân quân và lực lượng Bảo vệ Khu phố. Tổ chức huấn luyện Hội thao quốc phòng đạt thành tích cao. Chỉ đạo các phường tổ chức diễn tập chiến đấu trị an sát thực tế, chất lượng, tiết kiệm và an toàn tuyệt đối.

1.3. Phối hợp các Ngành tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, cho các đối tượng theo quy định.

1.4. Phối hợp Công an Quận thực hiện quy chế, kế hoạch phối hợp hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo Nghị định số 77 của Chính phủ; xây dựng kế hoạch, triển khai lực lượng bảo vệ an toàn các mục tiêu, các hoạt động lễ hội và sự kiện chính trị trong năm 2014.

1.5. Phối hợp các cơ quan, phòng, ban, đơn vị thuộc Quận và Ủy ban nhân dân 13 phường tổ chức thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, tổ chức tiếp đón chu đáo và tạo điều kiện cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương sớm có việc làm ổn định; tham mưu giải quyết kịp thời khó khăn của những gia đình có con em đang

phục vụ tại ngũ. Tập trung các biện pháp nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

2. Ban Chỉ huy Công an quận chủ trì:

2.1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch, phương án giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội năm 2014, đặc biệt trong dịp tết Nguyên đán Giáp Ngọ và các ngày lễ lớn trong năm.

2.2. Phối hợp các Ngành, Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn dân về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Không ngừng nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác chuyển hóa địa bàn, xây dựng phường và khu phố lành mạnh, không có tệ nạn xã hội, không có tội phạm ẩn náu. Tiến hành sơ kết để đánh giá kết quả thực hiện mô hình chuyển hóa địa bàn phức tạp về an ninh trật tự đối với các phường Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Hiệp Phú và mô hình không tội phạm về ma túy đối với phường Trường Thạnh và phường Long Thạnh Mỹ.

2.3. Triển khai đồng bộ các giải pháp, tổ chức các đợt tấn công trấn áp các loại tội phạm; nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình và công tác nghiệp vụ cơ bản. Phân đấu kèm chế, kéo giảm tỷ lệ phạm pháp hình sự từ 5% trở lên; điều tra phá án 75%, án đặc biệt nghiêm trọng trên 90%, xây dựng 80% tổ dân phố đạt tự quản về an ninh trật tự, mỗi phường có ít nhất 01 khu phố không có tội phạm ẩn náu, hoạt động hoặc có tội phạm nhưng phát hiện nhanh, ngăn chặn kịp thời.

2.4. Phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục đối tượng cai nghiện ma túy tại cơ sở.

3. Ban An toàn giao thông Quận phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường:

3.1. Tiếp tục duy trì công tác tuyên truyền các quy định pháp luật về giao thông sâu rộng để nâng cao ý thức của người dân trong việc chấp các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.

3.2. Duy trì lực lượng chốt trực tại các nút giao thông trọng yếu trên địa bàn để điều khiển, hướng dẫn, phân luồng không để ùn tắc giao thông; thường xuyên tuần tra, kiểm soát, xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm; kịp thời rà soát xóa bỏ các điểm đen về giao thông; thường xuyên kiểm tra để kịp thời bổ sung hệ thống

biển báo, biển hướng dẫn giao thông, kẻ vạch sơn phân luồng giao thông... Phần đầu kéo giảm từ **5 - 10%** tai nạn giao thông trên cả 3 mặt.

3.3. Thường xuyên kiểm tra và cương quyết xử lý các trường hợp buôn bán lấn chiếm lòng, lề đường, che chắn làm khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

VII. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ vào Quyết định và kế hoạch của Ủy ban nhân dân Quận, Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị thuộc Quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường xây dựng kế hoạch của ngành, đơn vị mình thật cụ thể, trong đó xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công cán bộ công chức chịu trách nhiệm từng phần công việc. Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm đánh giá tình hình và báo cáo theo quy định.

2. Định kỳ UBND Quận tổ chức làm việc với Thủ trưởng các Phòng, Ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường và tổ chức các buổi làm việc chuyên đề giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định và kế hoạch của UBND Quận. Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ, chỉ tiêu và công việc được giao.

3. Phòng Nội vụ tham mưu tổ chức tổng kết phong trào thi đua yêu nước năm 2013 và phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2014; hướng dẫn thang điểm thi đua năm 2014 đối với các cơ quan, đơn vị và 13 phường.

4. Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước phù hợp với nội dung Quyết định, kế hoạch của UBND Quận.

5. Trước ngày **10/11/2014**, Thủ trưởng các phòng ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường tổ chức sơ, tổng kết, kiểm điểm tình hình thực hiện Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận, đồng thời gửi báo cáo về Phòng Tài chính - Kế hoạch, Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận, phòng Tài chính Kế hoạch Quận. Giao Phòng Nội vụ đánh giá mức độ hoàn thành của từng cơ quan, báo cáo Ủy ban nhân dân Quận theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Thị Hồng Liên

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 560/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết
của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 347/STP-VB ngày 22 tháng 01 năm 2014; theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014, gồm 114 văn bản theo danh mục như sau:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong năm 2014, gồm 82 văn bản (đính kèm Phụ lục 1);

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2013 được tiếp tục thực hiện trong năm 2014, gồm 24 văn bản (đính kèm Phụ lục 2);

3. Danh mục chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố trong năm 2014, gồm 08 văn bản (đính kèm Phụ lục 3).

Điều 2.

1. Phê duyệt tổng dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2014 là: **901.100.000 đồng (Chín trăm lẻ một triệu một trăm ngàn đồng chẵn)**; bao gồm:

a) 606.400.000 đồng (Sáu trăm lẻ sáu triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn): Kinh phí xây dựng văn bản theo Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong năm 2014 (Phụ lục 1).

b) 197.700.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn): Kinh phí xây dựng văn bản theo Danh mục văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2013 được tiếp tục thực hiện trong năm 2014 (Phụ lục 2).

c) 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng chẵn): Kinh phí xây dựng văn bản theo Danh mục chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố trong năm 2014 (Phụ lục 3).

d) 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng): Kinh phí cấp cho Sở Tư pháp chủ trì xây dựng Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014.

2. Đối với những văn bản quy phạm pháp luật được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trong năm 2014 ngoài danh mục tại Điều 1 Quyết định này, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất kinh phí theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp.

Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung kinh phí một năm một lần.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2014 theo quy định pháp luật.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản theo định mức được duyệt sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện xong thủ tục trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3.

1. Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đúng kế hoạch, thời gian và sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung, chế độ đã quy định.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố hàng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

(Kèm Phụ lục 1, 2 và 3)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

PHỤ LỤC 1**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BAN HÀNH MỚI TRONG NĂM 2014***(Ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
1.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của UBND thành phố ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tư pháp	Sở-ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	7.200	Sở Tư pháp; UBND Quận 11
2.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 80/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của UBND thành phố về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND thành phố	Quý I/2014	7.200	Sở Tư pháp; UBND Quận 4
3.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 79/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2011 của UBND thành phố ban hành quy định về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND thành phố	Quý II/2014	7.200	Sở Tư pháp; UBND Quận 4, 7, Thủ Đức, Tân Bình, huyện Nhà Bè

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
4.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2010 của UBND thành phố ban hành “Đề án kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức giám định tư pháp, các lĩnh vực giám định tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015”.	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND thành phố	Quý III/2014	7.200	Sở Tư pháp
5.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2009 của UBND thành phố về việc ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận-huyện.	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ; UBND quận-huyện	Quý III/2014	7.200	UBND Quận 1, 5, 6, 7, Tân Phú, Tân Bình, Bình Thạnh
6.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của UBND thành phố về ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND thành phố; Sở-ngành có liên quan	Quý IV/2014	7.200	UBND Quận 4, 7, 9, 12, Gò Vấp, Tân Phú, Bình Tân, huyện Nhà Bè, Bình Chánh
7.	Quyết định	Ban hành quy định về Báo cáo viên pháp luật, Tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tư pháp	Sở-ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Tư pháp

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
8.	Quyết định	Ban hành quy định về một số mức chi cụ thể cho các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2012 của UBND thành phố).	Sở Tư pháp	Sở-ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Tư pháp; UBND Quận 10
9.	Quyết định	Ban hành Quy định về quy trình, thủ tục xử lý và ban hành văn bản tại các cơ quan, tổ chức (công tác quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan); chỉnh lý và số hoá tài liệu lưu trữ.	Sở Nội vụ	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Nội vụ
10.	Quyết định	Ban hành quy định về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể và nhiệm vụ của công chức phường-xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Nội vụ
11.	Quyết định	Ban hành quy định về tiếp nhận công chức ngoài biên chế.	Sở Nội vụ	Sở-ngành liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Nội vụ
12.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của UBND thành phố quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nội vụ	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	7.200	Sở Nội vụ; UBND quận Gò Vấp

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
13.	Quyết định	Ban hành quy định về hạn chế và cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 03/5/2007 của UBND thành phố).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Tài nguyên và Môi trường
14.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Tài nguyên và Môi trường
15.	Quyết định	Ban hành quy định về thủ tục kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà đất và tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (thay thế Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 17/5/2006 của UBND thành phố).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý III/2014	9.000	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND Quận 9, huyện Bình Chánh
16.	Quyết định	Ban hành quy định về thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý III/2014	9.000	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND Quận 5
17.	Quyết định	Ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức đang sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 35/2009/QĐ-UBND ngày 21/3/2009 của UBND thành phố).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý III/2014	9.000	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
18.	Quyết định	Thay thế Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố ban hành quy chế phối hợp liên ngành để giải quyết hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý III/2014	9.000	Sở Tài nguyên và Môi trường
19.	Quyết định	Ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND Quận 1, 8, Bình Tân, huyện Nhà Bè, Bình Chánh
20.	Quyết định	Ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính	Quý I/2014	9.000	UBND quận Gò Vấp, huyện Nhà Bè
21.	Quyết định	Ban hành quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính	Quý IV/2014	9.000	UBND huyện Nhà Bè
22.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị chung trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Quy hoạch, Kiến trúc	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	UBND Quận 1

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
23.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý người xin ăn không có nơi cư trú nhất định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú nhất định trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
24.	Quyết định	Ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014-2015.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
25.	Quyết định	Về phê duyệt Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2014-2015.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
26.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Xây dựng; UBND Quận 11, Tân Bình, huyện Nhà Bè
27.	Quyết định	Ban hành quy định về giá cho thuê nhà, đất đối với quỹ nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước được sử dụng vào mục đích làm việc, sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; Sở Tư pháp	Quý I/2014	9.000	Sở Xây dựng

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
28.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2010 của UBND thành phố về ban hành Bảng giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo lại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp; Sở Tài chính	Quý I/2014	7.200	Sở Xây dựng; UBND Quận 1, 11
29.	Quyết định	Ban hành quy định về giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà	Quý II/2014	9.000	Sở Xây dựng; UBND Quận 1, 11
30.	Quyết định	Ban hành Quy trình tiếp nhận chuyển giao, cho thuê, thuê mua, bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp; Sở Tài chính	Quý II/2014	9.000	Sở Xây dựng; UBND Quận 1, 11, Bình Tân, Tân Bình, huyện Nhà Bè
31.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định 05/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2010 của UBND thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Sở Nội vụ	Quý IV/2014	7.200	Sở Xây dựng

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
32.	Quyết định	Ban hành Quy chế cung cấp thông tin về vi phạm an toàn lao động trong thi công xây dựng.	Sở Xây dựng	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	UBND quận Bình Thạnh
33.	Quyết định	Ban hành Quy trình xử lý sự cố công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	UBND quận Bình Thạnh
34.	Quyết định	Ban hành chính sách đầu tư hỗ trợ sản xuất, sơ chế, tiêu thụ rau an toàn theo quy trình VietGAP trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
35.	Quyết định	Ban hành Bảng giá làm cơ sở xác định thẩm quyền xử phạt, mức xử phạt vi phạm hành chính và tính giá khởi điểm bán đấu giá lâm sản sau xử lý tịch thu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 và Quyết định 10/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2011 của UBND thành phố).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành có liên quan	Quý II/2014	9.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
36.	Quyết định	Ban hành quy định chế độ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
37.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2010 của UBND thành phố ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	7.200	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
38.	Quyết định	Ban hành chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt trong thủy sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
39.	Quyết định	Ban hành chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với thủy sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
40.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý, thu nộp, sử dụng quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	UBND Quận 8

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
41.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2012 của UBND thành phố ban hành Quy trình về tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Thanh tra thành phố	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	7.200	Thanh tra thành phố; UBND Quận 3, 4, 5, 6, 10, 11, Gò Vấp, Tân Phú, Bình Tân, Thủ Đức, Bình Thạnh
42.	Quyết định	Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động trợ giúp thanh niên các trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Y tế; Sở Tư pháp; Thành đoàn thành phố	Quý II/2014	9.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
43.	Quyết định	Ban hành chế độ hỗ trợ đối với giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn tham gia thực hiện Đề án “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020”.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Y tế; Sở Tư pháp	Quý II/2014	9.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
44.	Quyết định	Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động công tác tư vấn trường học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Tư pháp	Quý IV/2014	9.000	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
45.	Quyết định	Ban hành Quy định về quản lý hoạt động dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Ngoại vụ; Sở Tư pháp	Quý IV/2014	9.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
46.	Quyết định	Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Y tế	Sở Tài chính; Sở Tư pháp; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	UBND huyện Nhà Bè
47.	Quyết định	Về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.	Sở Y tế	Sở-nghành liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Y tế
48.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của UBND thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hoá, thông tin và phòng chống tệ nạn xã hội thành phố.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở-nghành liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	7.200	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; UBND Quận 7
49.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở-nghành liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
50.	Quyết định	Ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố, Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND quận Bình Tân
51.	Quyết định	Ban hành quy định về công tác thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT); hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO); hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do UBND thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng dự án.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
52.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đội ngũ tuyên truyền viên, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Bộ Tư lệnh thành phố	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	UBND quận Gò Vấp
53.	Quyết định	Ban hành mức lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Công an thành phố	Sở Tài chính; Sở Tư pháp	Quý I/2014	9.000	Công an thành phố
54.	Quyết định	Thành lập, quản lý và sử dụng quỹ phòng, chống tội phạm.	Công an thành phố	Sở, ngành có liên quan	Quý II/2014	9.000	Công an thành phố

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
55.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công thương (thay thế Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2009 của UBND thành phố).	Sở Công Thương	Sở Nội vụ; Sở, ngành có liên quan	Quý II/2014	9.000	Sở Công Thương
56.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý và khai thác hệ thống thông tin về dân cư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Công an thành phố	Quý I/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông
57.	Quyết định	Ban hành quy chế phối hợp cung cấp thông tin và đảm bảo hoạt động trang thông tin điện tử thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông
58.	Quyết định	Ban hành quy định về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn mới.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành có liên quan; UBND quận, huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông
59.	Quyết định	Ban hành quy chế quản lý và khai thác dữ liệu về Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải	Quý III/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
60.	Quyết định	Ban hành quy định quản lý và khai thác các hệ thống thông tin chung của thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tư pháp	Quý III/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông
61.	Quyết định	Ban hành giao chỉ tiêu dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015.	Sở Tài chính	Sở, ngành có liên quan; UBND quận, huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Tài chính
62.	Quyết định	Ban hành quy định về thu phí lưu trữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài chính	Công an thành phố	Quý IV/2014	9.000	Sở Tài chính
63.	Chỉ thị	Về việc triển khai thực hiện Luật Hoà giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Chỉ thị số 24/2010/CT-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2010 của UBND thành phố).	Sở Tư pháp	Sở-ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	3.500	Sở Tư pháp; UBND Quận 5, Thủ Đức, Bình Thạnh
64.	Chỉ thị	Về việc tăng cường quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư (thay thế Chỉ thị số 25/2007/CT-UBND ngày 20/9/2007 của UBND thành phố).	Sở Tư pháp	Sở-ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	3.500	UBND Q.11, Q.5, Tân Bình, huyện Nhà Bè, Bình Chánh

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
65.	Chỉ thị	Về việc tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thanh niên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nội vụ	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	3.500	Sở Nội vụ
66.	Chỉ thị	Về tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	3.500	Sở Tài nguyên và Môi trường
67.	Chỉ thị	Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	3.500	Sở Tài nguyên và Môi trường
68.	Chỉ thị	Về tăng cường công tác quản lý lực lượng thu gom rác dân lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện; Công ty Dịch vụ công ích quận-huyện	Quý I/2014	3.500	Sở Tài nguyên và Môi trường
69.	Chỉ thị	Về triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý III/2014	3.500	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND Quận 8, Bình Tân

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
70.	Chỉ thị	Về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với sông, suối, kênh, rạch, hồ công cộng và trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Chỉ thị số 09/2010/CT-UBND ngày 11/3/2010 của UBND thành phố).	Sở Giao thông vận tải	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	3.500	Sở Giao thông vận tải; UBND quận Gò Vấp
71.	Chỉ thị	Về thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc theo quy định tại Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	3.500	UBND Quận 7
72.	Chỉ thị	Về triển khai thực hiện Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	3.500	Sở Xây dựng
73.	Chỉ thị	Về tăng cường các công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2014.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	3.500	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND Quận 1, Bình Tân, Bình Thạnh

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
74.	Chỉ thị	Về tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2013-2014 và công tác tuyển sinh đầu cấp phổ thông năm học 2014-2015 tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND thành phố	Quý II/2014	3.500	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND Quận 1, Bình Tân
75.	Chỉ thị	Về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2014-2015 tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND thành phố	Quý III/2014	3.500	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND Quận 8, Bình Tân, Bình Thạnh
76.	Chỉ thị	Về tập trung triển khai các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	3.500	Sở Kế hoạch và Đầu tư
77.	Chỉ thị	Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách thành phố và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2015.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý III/2014	3.500	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND quận Bình Tân, Bình Thạnh, huyện Bình Chánh
78.	Chỉ thị	Về chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng địa phương năm 2014.	Bộ Tư lệnh thành phố	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	3.500	Bộ Tư lệnh thành phố; UBND Quận 7, 10, Bình Tân

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
79.	Chỉ thị	Về thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân, tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2014.	Bộ Tư lệnh thành phố	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	3.500	Bộ Tư lệnh thành phố; UBND Quận 1, 3, 7, Bình Tân, huyện Bình Chánh
80.	Chỉ thị	Về tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ năm 2014.	Bộ Tư lệnh thành phố	Công an thành phố; Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	3.500	Bộ Tư lệnh thành phố; UBND Quận 10, Bình Tân, huyện Bình Chánh
81.	Chỉ thị	Về tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.	Công an thành phố	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	3.500	Công an thành phố
82.	Chỉ thị	Về việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy.	Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	Sở, ngành có liên quan, UBND quận-huyện	Quý IV/2014	3.500	UBND quận Bình Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO CHƯƠNG TRÌNH LẬP QUY NĂM 2013 ĐƯỢC TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
1.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 95/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2009).	Sở Tư pháp	Sở Tài chính; Sở, ngành liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	UBND Quận 7, Tân Bình
2.	Quyết định	Ban hành quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hoá văn bản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính; Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Tư pháp; UBND Quận 10
3.	Quyết định	Ban hành Quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và công chức Tư pháp quận-huyện.	Sở Tư pháp	UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	UBND Quận 5

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
4.	Quyết định	Ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tư pháp	Sở, ngành có liên quan			UBND quận Bình Tân, huyện Nhà Bè
5.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính	Quý I/2014	7.200	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND Quận 1, 5, 6, 7, Bình Thạnh, huyện Hóc Môn, Bình Chánh
6.	Quyết định	Về phê duyệt Đề án thí điểm thi tuyển một số chức danh công chức lãnh đạo phòng ban chuyên môn Sở-ngành, phòng ban chuyên môn quận-huyện gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp.	Sở Nội vụ	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Nội vụ
7.	Quyết định	Ban hành mức thù lao cho cộng tác viên Dân số - Trẻ em.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Y tế; Sở, ngành có liên quan	Quý II/2014	9.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
8.	Quyết định	Ban hành quy định về cơ chế phối hợp và quản lý, sử dụng các nguồn vốn tín dụng ưu đãi và các nguồn tài trợ từ thiện cho người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở, ngành có liên quan	Quý IV/2014	9.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9.	Quyết định	Ban hành chế độ hỗ trợ cán bộ y tế trường học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Y tế	Quý I/2014	9.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
10.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	Quý I/2014	9.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
11.	Quyết định	Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12.	Quyết định	Thay thế Quyết định số 31/2009/QĐ-UBND ngày 18/4/2009 của UBND thành phố về phân công, ủy quyền giải quyết một số thủ tục thuộc chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước và các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan	Quý I/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
13.	Quyết định	Thay thế Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND Quận 11
14.	Quyết định	Ban hành Quy định về quy hoạch xăng dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định 39/2007/QĐ-UBND).	Sở Công Thương	Sở, ngành có liên quan	Quý II/2014	9.000	Sở Công Thương
15.	Quyết định	Ban hành Quy chế phối hợp tổ chức quản lý khuyến mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Công Thương	Cục thuế thành phố; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Công Thương
16.	Quyết định	Ban hành Quy định về phân cấp chợ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Công Thương	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Công Thương

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
17.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan Đảng và Nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông
18.	Quyết định	Ban hành quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong cơ quan nhà nước.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2013	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông
19.	Quyết định	Ban hành quy định về liên thông phần mềm quản lý văn bản và Hồ sơ công việc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông
20.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống “Một cửa điện tử” của thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông
21.	Quyết định	Ban hành quy định về thời gian mở, đóng cửa hàng ngày đối với các đại lý internet.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND quận Bình Thạnh

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
22.	Chỉ thị	Về công tác chứng thực trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2008 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh).	Sở Tư pháp	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	3.500	UBND Quận 5, 6, Bình Thạnh
23.	Chỉ thị	Về việc tăng cường công tác quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Sở Y tế	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	3.500	Sở Y tế
24.	Chỉ thị	Tăng cường kiểm tra, xử lý đối với các cơ sở y tế thực hiện việc chuẩn đoán giới tính thai nhi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Y tế	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	3.500	UBND Q.Gò Vấp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CHUẨN BỊ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRONG NĂM 2014***(Ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
1.	Nghị quyết	Quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hoá văn bản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính; Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Tư pháp
2.	Nghị quyết	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính	Quý IV/2014	9.000	Sở Giao thông vận tải
3.	Nghị quyết	Ban hành Kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2014 - 2015 và năm 2014 nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý I/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4.	Nghị quyết	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý II/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1000đ)	Cơ quan đề xuất
5.	Nghị quyết	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.	Nghị quyết	Ban hành Kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2014 - 2015 và năm 2015 nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7.	Nghị quyết	Thông qua quyết toán ngân sách năm 2013.	Sở Tài chính	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Tài chính
8.	Nghị quyết	Về dự toán và phân bổ ngân sách Thành phố năm 2015.	Sở Tài chính	Sở, ngành có liên quan; UBND quận-huyện	Quý IV/2014	9.000	Sở Tài chính

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 24 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành đến 31/12/2013****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 35/TTr-TP ngày 21 tháng 01 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 10 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận 7 ban hành hết hiệu lực thi hành đến 31/12/2013 theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng ban

chuyên môn thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Trọng Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH ĐẾN 31/12/2013
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch UBND quận 7)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2014:

Tổng số 10 văn bản

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Nghị quyết	01/2009/NQ-HĐND; 26/02/2009	Về việc đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009 thuộc nguồn vốn ngân sách.	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2009
2.	Nghị quyết	02/2009/NQ-HĐND; 26/02/2009	Về nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2009.	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2009
3.	Quyết định	118/2007/QĐ-UBND; 17/12/2007	Về thành lập Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra xây dựng phường	Đối tượng điều chỉnh không còn	15/5/2013
4.	Quyết định	630/2008/QĐ-UBND; 7/07/2008	Về việc giải thể Ủy ban Dân số - Gia đình trẻ em quận, chuyển các chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy và biên chế của Ủy ban Dân số - Gia đình và trẻ em sang các đơn vị liên quan thực hiện	Đã được bãi bỏ bởi Quyết định số 648/2008/QĐ-UBND ngày 11/7/2008 của UBND quận 7.	18/7/2008

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
5.	Quyết định	05/2010/QĐ-UBND; 30/6/2010	Về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận 7 thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân.	Đã được bãi bỏ bởi Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND quận 7 về ban hành Quy chế làm việc của UBND quận 7	05/6/2012
6.	Quyết định	07/2010/QĐ-UBND; 26/7/2010	Đính chính quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND quận 7 về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận 7 thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân	Đã được bãi bỏ bởi Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND quận 7 về ban hành Quy chế làm việc của UBND quận 7	05/6/2012
7.	Chỉ thị	09/CT-UB; 23/5/2001	Về việc tăng cường các biện pháp thực hiện Chỉ thị số 17/1999/CT-UB-KT	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2001
8.	Chỉ thị	04/CT.UB.M; 26/8/2003	Về thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên theo Quyết định số 117/QĐ-TTg, Quyết định số 174/QĐ-BQP và Chỉ thị số 14/CT-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2003
9.	Chỉ thị	01/2012/CT-UBND; 10/01/2012	Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2012	Hết thời hạn có hiệu lực quy định trong văn bản	31/12/2012

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
10.	Chi thị	06/2013/CT-UBND-M; 04/4/2013	Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự-quốc phòng năm 2013	Hết thời hạn có hiệu lực quy định trong văn bản	31/12/2013

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2014:

Không

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.					
2.					

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng